

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 2 năm 2008

I.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	387,145,685,721	215,067,565,087
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	299,674,894,861	86,836,704,550
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18,010,000,000	25,800,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	48,348,080,852	39,916,926,660
4	Hàng tồn kho	19,307,377,592	41,072,128,683
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,805,332,416	21,441,805,194
II	Tài sản dài hạn	430,025,677,491	423,923,880,689
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	308,356,178,075	300,506,524,998
	-Tài sản cố định hữu hình	266,486,721,307	262,281,982,756
	*Nguyên giá	416,863,281,876	420,659,312,356
	*Giá trị hao mòn lũy kế	(150,376,560,569)	(158,377,329,600)
	-Tài sản cố định vô hình	0	0
	-Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	-Chi phí XDCB dở dang	41,869,456,768	38,224,542,242
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	86,152,836,999	87,902,836,999
5	Tài sản dài hạn khác	35,516,662,417	35,514,518,692
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	817,171,363,212	638,991,445,776
IV	Nợ phải trả	346,814,671,421	190,804,741,953
1	Nợ ngắn hạn	306,433,468,303	150,612,266,135
2	Nợ dài hạn	40,381,203,118	40,192,475,818
V	Vốn chủ sở hữu	470,356,691,791	448,186,703,823
1	Vốn chủ sở hữu	460,933,236,113	438,042,424,309
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	64,788,323,549
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	0	7,552,279,188
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	160,933,236,113	65,701,821,572
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	9,423,455,678	10,144,279,514
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,211,178,194	10,114,635,337
	- Nguồn kinh phí	212,277,484	29,644,177
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	817,171,363,212	638,991,445,776

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
Vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhận giữ hộ, nhận gia công	1,056,101,190	1,056,101,190

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	99,802,794,995	173,837,275,365
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	99,802,794,995	173,837,275,365
4	Giá vốn hàng bán	57,946,999,191	101,634,097,956
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41,855,795,804	72,203,177,409
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,086,873,920	4,952,791,145
7	Chi phí tài chính	1,501,570,512	2,628,222,104
8	Chi phí bán hàng	728,963,510	1,544,849,730
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,259,057,936	7,281,075,148
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39,453,077,766	65,701,821,572
11	Thu nhập khác	3,835,781,413	5,138,728,914
12	Chi phí khác	3,835,781,413	5,138,728,914
13	Lợi nhuận khác	0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,453,077,766	65,701,821,572
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39,453,077,766	65,701,821,572
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,315	2,190
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 21/07/2008
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC ẨN